ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 147 /KH-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 19-KH/TU ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động);

Căn cứ Kế hoạch số 27-KH/BCĐTP ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (Kế hoạch số 27-KH/BCĐTP);

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 về Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Căn cứ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 19-KH/TU ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 57-NQ/TW), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai đầy đủ, thống nhất các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và các nghị quyết, nghị định, kế hoạch hành động của Chính phủ và Thành phố.

2. Cụ thể hóa nhiệm vụ cho từng sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thành phố.

3. Triển khai Kế hoạch hành động đồng bộ với các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của các cơ quan, đơn vị.

4. Căn cứ đặc thù từng đơn vị, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và thường xuyên; xây dựng lộ trình thực hiện; định kỳ đánh giá kết quả, kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh, bổ sung nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh; thúc đẩy khoa học, công nghệ (KHCN), nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của Thành phố.

b) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (ĐMST), kết nối R&D - đào tạo - doanh nghiệp; thu hút nhân lực chất lượng cao.

c) Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; quản trị dựa trên dữ liệu, dịch vụ công toàn trình.

d) Phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn; thúc đẩy ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng sống.

đ) Phát triển nhân lực, tăng cường liên kết vùng và hội nhập quốc tế; phục vụ công nghiệp hóa-hiện đại hóa đến 2030, tầm nhìn 2045.

2. Chỉ tiêu cụ thể năm 2026

a) Hoàn thiện hạ tầng số, dữ liệu, an ninh mạng; phủ sóng 5G >95%, thí điểm 6G, phổ cập băng rộng.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nâng cao chính quyền số.

c) Phát triển KHCN, ĐMST; tăng đóng góp TFP; hình thành trung tâm R&D, hệ sinh thái khởi nghiệp.

d) Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao; phát triển doanh nghiệp KHCN, startup; thúc đẩy thương mại hóa.

đ) Phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực số đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC).

e) Thúc đẩy kinh tế số, xanh, tuần hoàn; tăng tỷ trọng kinh tế số; hình thành trung tâm ĐMST, dữ liệu.

(Chi tiết chỉ tiêu cụ thể để triển khai thực hiện trong năm 2026 được trình bày tại Phụ lục I đính kèm).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết

Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo điều hành thực hiện Nghị quyết. Bố trí đội ngũ chuyên trách; thực hiện cơ chế tuyển chọn, biệt phái, thu hút chuyên gia chất lượng cao.

1.2. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện

- Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, phân công, nguồn lực và chỉ tiêu đánh giá.

- Xây dựng Quy chế phối hợp liên ngành, bảo đảm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả".

- Thiết lập cơ chế giao ban định kỳ (quý, 6 tháng, năm) của Ban Chỉ đạo để đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, điều chỉnh nhiệm vụ.

1.3. Lồng ghép nội dung Nghị quyết vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Rà soát, tích hợp mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CĐS) vào quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, kế hoạch 5 năm và hằng năm.

- Bảo đảm đồng bộ với quy hoạch đô thị, hạ tầng số, phát triển nhân lực, ngành kinh tế mũi nhọn và yêu cầu an ninh, trật tự.

1.4. Thành lập Hội đồng tư vấn và cơ chế tham vấn chuyên gia

- Thành lập Hội đồng tư vấn KHCN, ĐMST, CĐS với sự tham gia của

chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân và chuyên gia quốc tế. Quy định rõ chức năng: tham vấn chiến lược, phản biện chính sách, đề xuất giải pháp đột phá cho các chương trình, đề án lớn.

- Thiết lập cơ chế tham vấn linh hoạt (định kỳ, chuyên đề, trực tuyến) để huy động trí tuệ xã hội phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo.

1.5. Bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện

- Bố trí đủ nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ triển khai.

1.6. Xây dựng, làm sạch và khai thác dữ liệu

- Triển khai chiến lược dữ liệu Thành phố giai đoạn 2026 - 2030; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định. Tổ chức làm sạch, làm giàu dữ liệu chuyên ngành gắn với dữ liệu dân cư; xây dựng các cơ sở dữ liệu trọng yếu.

- Bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung".

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết 57-NQ/TW

- Tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng; bảo đảm 100% cán bộ chủ chốt được triển khai đầy đủ.

- Tổ chức hội nghị, tọa đàm, diễn đàn chuyên đề về các nội dung trọng tâm (kinh tế số, ĐMST, CĐS, dữ liệu, kinh tế xanh).

- Huy động chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia chia sẻ, tạo đồng thuận xã hội.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động và phân công thực hiện

- Các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch năm 2026 với mục tiêu, nhiệm vụ, phân công, nguồn lực và KPI cụ thể. Lồng ghép chỉ tiêu KHCN, ĐMST, CĐS và Đề án 06 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ; báo cáo Ban Chỉ đạo, kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ.

2.3. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện

- Tổ chức chấm điểm định kỳ dựa trên dữ liệu về KHCN, ĐMST, CĐS và Đề án 06 đối với các sở, ngành, địa phương và người đứng đầu. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá phù hợp thực tiễn.

- Quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại hằng năm. Thực hiện kiểm điểm trách nhiệm khi không hoàn thành; khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân xuất sắc.

(Theo các quy định tại Quyết định số 4585/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành phương án tạm thời chấm điểm hàng tháng các bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu

bộ, ngành, địa phương về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06

- Xây dựng kế hoạch truyền thông tổng thể, thông điệp thống nhất, phù hợp từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa hình thức (báo chí, truyền hình, mạng xã hội, nền tảng số, tọa đàm, video, infographic…). Phát triển sản phẩm truyền thông chuyên sâu (cẩm nang, bản tin, bản đồ hệ sinh thái ĐMST…).

- Phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội để lan tỏa phong trào đổi mới sáng tạo.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho CBCCVC. Đào tạo kỹ năng số, đạo đức công vụ, an toàn thông tin.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về dữ liệu và sử dụng mạng. Xây dựng môi trường làm việc số minh bạch, hiệu quả; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ - biết làm - dám chịu trách nhiệm.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Hoàn thiện pháp lý, cơ chế chính sách thúc đẩy KHCN, ĐMST

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp lý, cơ chế chính sách liên quan KHCN, ĐMST, CĐS. Ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ trọng tâm cho R&D, đổi mới sáng tạo. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, kịp thời tháo gỡ vướng mắc.

- Đề xuất và xây dựng luật đô thị đặc biệt.

3.2. Xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2045

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược KHCN, ĐMST, CĐS; đồng bộ quy hoạch kinh tế - xã hội và đô thị. Xác định trụ cột ưu tiên: công nghệ số, sinh học, vật liệu mới, năng lượng, môi trường, logistics, y tế - giáo dục số.

- Xây dựng kế hoạch trung hạn, hằng năm với mục tiêu, chỉ tiêu, phân công, nguồn lực và lộ trình rõ ràng. Gắn chỉ tiêu KHCN, ĐMST vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy đầu tư và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng cơ chế đặc thù về tài chính, đầu tư, nhân lực để phát triển trung tâm ĐMST, R&D, phòng thí nghiệm, ươm tạo.

- Triển khai Sandbox cho dữ liệu và mô hình kinh doanh mới; hình thành Sàn dữ liệu Thành phố. Áp dụng cơ chế tài chính linh hoạt, khoán theo kết quả; thí điểm "chấp nhận rủi ro có kiểm soát".

- Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, chuyển giao công nghệ. Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư trình độ cao trong và ngoài nước.

3.4. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ

Tiếp tục triển khai cơ chế sandbox cho thử nghiệm công nghệ, mô hình mới trong các lĩnh vực trọng điểm. Ban hành quy trình quản lý thí điểm: đánh giá rủi ro, giám sát, phạm vi, thời gian và cơ chế kết thúc. Phát triển không gian thử nghiệm, trung tâm sáng tạo, phòng thí nghiệm mở hỗ trợ doanh nghiệp và viện - trường.

3.5. Phát triển các quỹ hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thành lập, vận hành hiệu quả các quỹ: phát triển khoa học và công nghệ, đầu tư mạo hiểm. Xây dựng cơ chế quản lý minh bạch, linh hoạt, phù hợp thông lệ quốc tế. Huy động nguồn lực xã hội, vốn tư nhân, quốc tế; thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP).

3.6. Cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí trong đầu tư, đất đai, doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, nghiên cứu. Rà soát, cắt giảm thủ tục chồng chéo; chuẩn hóa quy trình; áp dụng sandbox; nâng cao trách nhiệm và kỷ luật hành chính.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia. Thiết lập cơ chế "một cửa" cho doanh nghiệp KHCN, startup.

3.7. Thu hút đầu tư, liên kết và hợp tác trong nước, quốc tế

- Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp lớn, quỹ đầu tư tham gia hệ sinh thái ĐMST. Ưu tiên dự án công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện môi trường, có tác động lan tỏa.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

3.8. Bố trí và huy động nguồn lực tài chính

- Ưu tiên ngân sách cho các chương trình, dự án trọng điểm về KHCN, ĐMST, CĐS. Lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Kết hợp đa dạng nguồn vốn: ngân sách, ODA, tư nhân, đầu tư mạo hiểm.

3.9. Đầu tư công trung hạn cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Xây dựng danh mục dự án giai đoạn 2026 - 2030, ưu tiên hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm. Bố trí vốn đối ứng, huy động nguồn lực xã hội cho các dự án lớn, có tính lan tỏa.

3.10. Thí điểm mô hình quỹ đầu tư mạo hiểm và cơ chế hợp tác công - tư

- Xây dựng quỹ đầu tư mạo hiểm sử dụng vốn nhà nước theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận rủi ro có kiểm soát. Ban hành cơ chế chia sẻ rủi ro, phân chia lợi ích, thoái vốn linh hoạt.

- Thu hút doanh nghiệp, quỹ trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực ưu tiên (AI, bán dẫn, sinh học, năng lượng, CĐS).

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng dịch vụ số, chuyển đổi số trong quản trị công

4.1. Xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số theo lộ trình 5 năm, tầm nhìn đến năm 2045

- Xây dựng Chương trình phát triển hạ tầng số 2026 - 2030, định hướng 2045; đồng bộ hạ tầng, dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số.

- Triển khai Digital Twin, IoT và dữ liệu đa chiều phục vụ quản trị đô thị thông minh. Lồng ghép hạ tầng số vào quy hoạch kinh tế - xã hội, đô thị và ngành.

4.2. Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và có khả năng mở rộng

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng số tại các khu trọng điểm (công nghệ cao, khu công nghệ, đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo). Mở rộng phủ sóng băng rộng, 4G/5G, tiến tới 6G; nâng cao năng lực mạng chuyên dùng. Nâng cấp Data Center đạt chuẩn; phát triển trung tâm dữ liệu vùng, HPC phục vụ AI, dữ liệu lớn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng và nền tảng số.

4.3. Phát triển công dân số, dữ liệu số, nền tảng số và hệ sinh thái dữ liệu mở

- Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung; chuẩn hóa, quản lý theo "sản phẩm dữ liệu", bảo đảm liên thông, chia sẻ. Hình thành Sàn dữ liệu; làm sạch, làm giàu dữ liệu gắn Đề án 06, bảo đảm "Đúng - Đủ - Sạch - Sống".

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung, chuyên ngành; ban hành chuẩn dữ liệu, kết nối, chia sẻ. Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); mở rộng dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp. Kết nối Kho dữ liệu Thành phố với Trung tâm dữ liệu quốc gia, phục vụ IOC và điều hành kinh tế - xã hội. Ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn trong dự báo, hoạch định chính sách.

- Phổ cập "4 trụ cột công dân số": (i) Danh tính số (VNeID); (ii) Phương tiện số (Smartphone/Tablet); (iii) Tài khoản số (Dịch vụ công/Ngân hàng); (iv) Kỹ năng số cơ bản.

4.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước

- Tái cấu trúc quy trình theo hướng số hóa - tự động hóa - không giấy tờ; vận hành dựa trên dữ liệu. Chuẩn hóa, số hóa hồ sơ; triển khai văn phòng điện tử,

chữ ký số, lưu trữ số. Phát triển IOC tích hợp dữ liệu đa lĩnh vực phục vụ điều hành thời gian thực.

- Hoàn thiện nền tảng chính quyền số, hệ thống quản trị đến cơ sở; triển khai định danh địa điểm gắn cơ sở dữ liệu dân cư. Ứng dụng AI, dữ liệu lớn trong dự báo, cảnh báo (giao thông, môi trường, ngập, an ninh trật tự).

4.5. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và phát triển kinh tế số

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận giải pháp số (quản trị, tài chính, thương mại điện tử, thanh toán số…). Đánh giá mức độ chuyển đổi số; tư vấn, đào tạo, xây dựng lộ trình phù hợp theo ngành, quy mô.

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - công nghệ; hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị số, toàn cầu. Xây dựng thương hiệu số; ứng dụng truy xuất nguồn gốc, blockchain, IoT trong sản xuất, logistics, thương mại.

4.6. Phát triển xã hội số, kinh tế số và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân; triển khai "Bình dân học vụ số", hướng tới "Mỗi công dân là công dân số". Phát triển dịch vụ số trong các lĩnh vực trọng điểm (y tế, giáo dục, giao thông, tài chính, du lịch, nông nghiệp).

- Tăng cường an toàn, an ninh mạng; xây dựng hệ thống giám sát, ứng cứu sự cố. Thiết lập cơ chế phối hợp Nhà nước - doanh nghiệp - cộng đồng trong bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư.

4.7. Cơ chế tổ chức thực hiện và giám sát

- Phân công rõ trách nhiệm; xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số đánh giá chuyển đổi số. Tăng cường kiểm tra, giám sát, công khai kết quả; kịp thời điều chỉnh chính sách, giải pháp.

- Huy động đa dạng nguồn lực (ngân sách, xã hội hóa, PPP, quốc tế) bảo đảm triển khai hiệu quả.

5. Xây dựng kế hoạch/chiến lược tổng thể phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm công nghệ chiến lược của Thành phố

- Quy hoạch mạng lưới trung tâm ĐMST, R&D, ươm tạo, trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế (AI, bán dẫn…) gắn với trường - viện - khu công nghệ. Phát triển mô hình trung tâm ĐMST mở (nghiên cứu - ươm tạo - thử nghiệm - thương mại hóa), gắn sandbox. Khuyến khích trường, viện đầu tư phòng thí nghiệm trọng điểm, dùng chung, nâng cao năng lực nghiên cứu.

- Tăng cường liên kết "3 nhà", thúc đẩy PPP; thu hút doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ tham gia. Xây dựng cơ chế hỗ trợ vận hành bền vững (đặt hàng, thuê R&D, hỗ trợ giai đoạn đầu).

- Nghiên cứu xây dựng và triển khai Đề án "Trung tâm công nghệ chiến lược Thành phố Hồ Chí Minh".

5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Ban hành chính sách đặc thù thúc đẩy startup trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai chương trình ươm tạo, tăng tốc; kết nối startup với doanh nghiệp dẫn dắt, tập đoàn lớn. Phát triển hệ sinh thái đầu tư khởi nghiệp: quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư của doanh nghiệp, quỹ đổi mới sáng tạo; tăng cường kết nối đầu tư, sự kiện ĐMST. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận chương trình hỗ trợ trong nước, quốc tế; mở rộng thị trường.

- Hỗ trợ không gian làm việc, hạ tầng dùng chung, dịch vụ pháp lý, kế toán, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; hỗ trợ hoàn thiện mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên nguồn lực cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ vấn đề cấp bách; tập trung lĩnh vực chiến lược (nông nghiệp công nghệ cao, y sinh, môi trường, CĐS, đô thị thông minh, bán dẫn, vật liệu mới).

- Triển khai nhiệm vụ theo danh mục công nghệ chiến lược; tăng liên kết nghiên cứu - ứng dụng - thương mại hóa.

- Phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành; thúc đẩy công bố quốc tế, SHTT, chuyển giao công nghệ. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế; triển khai nghiên cứu chung, trao đổi học thuật.

5.4. Chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công

- Xây dựng văn hóa ĐMST; khuyến khích dám nghĩ, biết làm, dám thử nghiệm, dám chịu trách nhiệm. Nâng cao năng lực cán bộ về ĐMST, tư duy thiết kế, quản trị đổi mới, phân tích dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu mở, AI trong quản lý và dịch vụ công.

- Thí điểm mô hình mới (policy lab, sandbox, PPP) giải quyết bài toán đô thị. Tăng cường phối hợp Nhà nước - doanh nghiệp - viện trường để đồng sáng tạo và nhân rộng.

6. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Phát triển nguồn nhân lực STEM/STEAM và phát hiện, bồi dưỡng nhân tài từ sớm

- Triển khai giáo dục STEM/STEAM; phát hiện, bồi dưỡng nhân tài từ sớm. Tổ chức sân chơi khoa học, khởi nghiệp; thúc đẩy nghiên cứu trong học sinh, sinh viên.

- Nâng cao chất lượng trường chuyên, trung tâm năng khiếu; tăng cường đầu tư và liên kết trường - viện - doanh nghiệp. Xây dựng chính sách học bổng, hỗ trợ tài chính cho nhân tài theo lĩnh vực ưu tiên.

6.2. Đổi mới đào tạo gắn với nhu cầu thị trường

- Cập nhật chương trình đào tạo linh hoạt, tăng thực hành, gắn nhu cầu doanh nghiệp và công nghệ mới. Phát triển mô hình đào tạo kết hợp, trực tuyến, theo dự án; thúc đẩy học tập suốt đời. Tăng cường hợp tác doanh nghiệp; triển khai đào tạo theo đặt hàng, ưu tiên lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Thúc đẩy nghiên cứu, khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục; phát triển trung tâm hỗ trợ và vườn ươm.

6.3. Phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia và nhà khoa học trình độ cao

- Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, chuyên gia đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao. Hoàn thiện cơ chế thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.

- Tạo điều kiện tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, dự án quốc tế, nâng cao năng lực nghiên cứu.

6.4. Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực khoa học - công nghệ

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về nhân lực KHCN, ĐMST, CĐS; kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia. Cập nhật, chuẩn hóa thông tin phục vụ quy hoạch, đào tạo, sử dụng nhân lực.

- Ứng dụng AI, Big Data phân tích nhu cầu, dự báo thị trường, hỗ trợ hoạch định chính sách.

6.5. Chiến lược thu hút, trọng dụng và phát huy nhân tài

- Triển khai chính sách đặc thù về thu nhập, nhà ở, môi trường làm việc theo Nghị quyết đặc thù của Thành phố.

- Giao nhiệm vụ, đặt hàng nghiên cứu gắn kết quả và hiệu quả thực tiễn. Xây dựng môi trường minh bạch, khuyến khích đổi mới, chấp nhận rủi ro có kiểm soát.

- Phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước; thúc đẩy liên kết "4 nhà". Thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt "tổng công trình sư" cho các nhiệm vụ trọng điểm.

6.6. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Triển khai đồng bộ chương trình phát triển nhân lực gắn với mục tiêu KHCN, ĐMST, CĐS. Ưu tiên nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực mũi nhọn (AI, bán dẫn, dữ liệu, sinh học…).

- Đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực nghiên cứu, ĐMST, kỹ năng số, thương mại hóa. Phát hiện, bồi dưỡng nhân tài từ sớm; tăng cường STEM/STEAM, đào tạo liên thông. Đổi mới đào tạo gắn thực tiễn, doanh nghiệp; đẩy mạnh mô hình "đào tạo theo dự án/đặt hàng". Phát triển hệ sinh thái học tập số, học tập suốt đời; ứng dụng AI trong đào tạo.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, tôn vinh; phát triển không gian ĐMST, phòng lab dùng chung.

6.7. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Triển khai "Bình dân học vụ số"; đào tạo kỹ năng cốt lõi quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, sử dụng nền tảng số, an toàn - an ninh mạng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc quản lý, điều hành.

- Lồng ghép chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo vào đào tạo lý luận, quản lý; hình thành tư duy số, ra quyết định dựa trên dữ liệu. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ; đào tạo thực hành, cập nhật công nghệ mới. Thiết lập cơ chế đánh giá kết quả đào tạo định kỳ gắn với hiệu quả công vụ.

6.8. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo gắn thị trường

- Cập nhật chương trình linh hoạt, ưu tiên lĩnh vực công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Tăng cường kỹ năng số, mềm, ĐMST; đẩy mạnh đào tạo gắn doanh nghiệp, thực hành - thực tập. Phát triển giáo dục thông minh (blended learning, phòng lab ảo, AI cá thể hóa học tập).

- Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lao động kỹ thuật cao theo nhu cầu thị trường. Mở rộng hợp tác quốc tế về lao động kỹ thuật; khai thác hiệu quả nguồn nhân lực sau khi trở về.

6.9. Chiến lược tăng cường hợp tác đào tạo nhân lực

- Mở rộng hợp tác với đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước; trao đổi chuyên gia, đồng phát triển đào tạo và nghiên cứu.

- Tăng cường doanh nghiệp tham gia đào tạo (đồng thiết kế chương trình, giảng dạy, thực tập, đặt hàng). Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân tham gia giảng dạy, tư vấn, chuyển giao tri thức.

6.10. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu nhân lực KHCN, ĐMST, CĐS

Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu số thống nhất, cập nhật, phục vụ phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, ngành; phát triển hệ sinh thái dữ liệu mở, bảo đảm an toàn, bảo mật. Ứng dụng Big Data, AI trong phân tích nhu cầu nhân lực và hỗ trợ ra quyết định.

6.11. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia

- Triển khai chính sách đặc thù; thu hút chuyên gia đầu ngành, "tổng công trình sư" trong lĩnh vực then chốt như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, chuyển đổi số. Áp dụng cơ chế linh hoạt về thu nhập, nhà ở, môi trường làm việc, nghiên cứu. Giao nhiệm vụ KHCN trung, dài hạn; thí điểm đặt hàng, khoán theo kết quả.

- Phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước; kết nối trí thức kiều bào tham gia nghiên cứu, đào tạo.

7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp Thành phố

7.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Thành phố

- Ban hành Chương trình chuyển đổi số 5 năm, gắn với cải cách hành chính, quản trị. Phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung; kết nối liên thông "một lần nhập - nhiều lần dùng". Tái cấu trúc quy trình theo hướng số hóa, tự động hóa, quản lý dựa trên dữ liệu. Khai thác hiệu quả hệ thống Trung ương; bảo đảm đồng bộ, tránh trùng lặp.

- Tăng cường kết nối hạ tầng, phát triển hệ sinh thái dữ liệu mở. Ứng dụng AI, Big Data hỗ trợ phân tích, dự báo, ra quyết định. Thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng, dịch vụ số.

7.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

- Hoàn thiện hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Thành phố, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm…) bảo đảm dữ liệu đồng bộ. Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh kết nối đến cơ sở, khai thác dữ liệu thời gian thực.

- Nâng cấp thủ tục hành chính "một cửa số", tích hợp định danh, chữ ký số, thanh toán số. Triển khai nền tảng số các lĩnh vực trọng điểm (du lịch thông minh; nông nghiệp số; công nghiệp - logistics thông minh; thương mại điện tử; y tế số, giáo dục số; quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường; .);

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy không dùng tiền mặt. Số hóa toàn diện hồ sơ; vận hành, cung cấp dịch vụ trên môi trường số.

7.3. Xây dựng chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp (đặc biệt là SME) ứng dụng giải pháp số trong sản xuất, kinh doanh. Phát triển nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ; tổ chức sự kiện chuyển đổi số. Hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị số, thương mại điện tử trong và ngoài nước.

- Xây dựng thương hiệu số; ứng dụng truy xuất nguồn gốc, blockchain, IoT. Ứng dụng AI, Big Data hỗ trợ phân tích thị trường, quyết định kinh doanh.

- Thu hút đầu tư R&D; phát triển doanh nghiệp công nghệ, mở rộng thị trường quốc tế. Thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ chuyển đổi số, dữ liệu số, kinh tế số. Phát huy vai trò khu vực tư nhân, doanh nghiệp dẫn dắt hệ sinh thái số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Tuân thủ an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu

Triển khai đầy đủ quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Hoàn thiện quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu; rõ trách nhiệm các cấp. Phân loại, gắn nhãn dữ liệu; áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp. Bảo đảm xử lý dữ liệu cá nhân đúng mục đích, tối thiểu, minh bạch, có sự đồng ý.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Xây dựng Trung tâm An ninh mạng giám sát, cảnh báo sớm, điều phối xử lý sự cố. Thành lập, duy trì CSIRT; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin sự cố. Ban hành quy trình, kịch bản ứng phó; tổ chức diễn tập an ninh mạng định kỳ.

- Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo mật: Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu Thành phố (DC), Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR), hệ thống đường truyền số liệu chuyên dùng riêng, kết nối, liên thông với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các Trung tâm dữ liệu cấp vùng, hệ thống phát hiện - ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS), bảo vệ điểm cuối, sao lưu và khôi phục dữ liệu.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành trong giám sát, cảnh báo, xử lý sự cố.

- Xây dựng quy trình chia sẻ thông tin, ứng cứu liên thông, phản ứng nhanh. Kiểm tra, đánh giá định kỳ; kịp thời khắc phục tồn tại.

- Phát triển, ưu tiên sử dụng giải pháp an toàn thông tin "Make in Vietnam". Triển khai nền tảng an toàn thông tin đạt chuẩn, được kiểm định. Nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa an toàn thông tin.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

a) Thiết lập và mở rộng cơ chế phối hợp liên tỉnh, liên vùng

- Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên; chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, chính sách.

- Thiết lập đầu mối giữa các sở, ngành; tăng cường chia sẻ dữ liệu, thông tin chuyên ngành.

- Tổ chức hợp tác song phương, đa phương; thống nhất kế hoạch trung và dài hạn.

b) Phối hợp triển khai các dự án liên vùng, liên ngành

- Phối hợp xây dựng và triển khai các dự án chung về: (i) Phát triển hạ tầng số dùng chung (nền tảng dữ liệu dùng chung, trung tâm dữ liệu, nền tảng chia sẻ và tích hợp dữ liệu); (ii) Phát triển logistics thông minh, chuỗi cung ứng số và hệ sinh thái logistics vùng; (iii) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý đô thị, giao thông, y tế, giáo dục và môi trường.

- Thúc đẩy chuỗi giá trị liên kết vùng theo thế mạnh từng địa phương.

c) Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả

- Tổ chức đoàn công tác, hội thảo học tập kinh nghiệm, mô hình tiêu biểu.

- Tổng kết, lựa chọn mô hình hiệu quả (quản lý đô thị thông minh, trung

tâm đổi mới sáng tạo, mô hình hợp tác công - tư, mô hình chuyển đổi số ngành/lĩnh vực) để nhân rộng phù hợp thực tiễn.

- Thiết lập cơ chế chia sẻ kinh nghiệm, dữ liệu qua nền tảng số dùng chung.

d) Tổ chức sự kiện, diễn đàn cấp vùng, liên vùng

- Tổ chức định kỳ hội nghị, diễn đàn KHCN, CĐS cấp vùng để chia sẻ chiến lược, kết nối các bên.

- Giới thiệu mô hình, sản phẩm, giải pháp công nghệ mới. Phối hợp tổ chức hội chợ công nghệ, ngày hội ĐMST, diễn đàn kết nối cung - cầu.

đ) Thúc đẩy hợp tác Nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường - cộng đồng khởi nghiệp

- Tạo cơ chế phối hợp các bên cùng thiết kế, triển khai chương trình KHCN, ĐMST.

- Khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa.Xây dựng mạng lưới kết nối chuyên gia, doanh nghiệp, nhà khoa học trong và ngoài nước.

e) Hợp tác quốc tế qua chương trình, dự án

- Kết nối đối tác quốc tế triển khai dự án KHCN, ĐMST. Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng hợp tác dài hạn, bền vững gắn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

a) Kết nối với các tổ chức, quỹ và doanh nghiệp công nghệ quốc tế

- Thiết lập hợp tác với tổ chức quốc tế, quỹ đầu tư, tập đoàn công nghệ trong các lĩnh vực chiến lược (AI, bán dẫn, sinh học, vật liệu, năng lượng, công nghệ số).

- Tổ chức diễn đàn, đối thoại chính sách, kết nối đầu tư - công nghệ.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư, chuyển giao công nghệ cao.

b) Thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ cao

- Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu giữa viện - trường - doanh nghiệp với đối tác quốc tế. Ưu tiên hợp tác nghiên cứu lĩnh vực mũi nhọn (AI, dữ liệu lớn, bán dẫn, sinh học, môi trường, vật liệu, robot…).

- Hình thành phòng thí nghiệm liên kết, trung tâm nghiên cứu đồng tài trợ (joint labs), trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế (Center of Excellence).

c) Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo

- Mở rộng hợp tác với đại học, viện nghiên cứu quốc tế đào tạo sau đại học, chuyên gia, nhà khoa học trẻ, cán bộ quản lý khoa học - công nghệ.

- Triển khai trao đổi học giả, thực tập, đồng hướng dẫn nghiên cứu. Tăng cường liên kết "3 nhà" đào tạo theo nhu cầu, nhất là lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số.

d) Thúc đẩy chuyển giao và kết nối quốc tế

- Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu, nhất là công nghệ cao; tổ chức thường niên hội nghị, diễn đàn, triển lãm quốc tế.

- Chủ động đăng cai sự kiện lớn; nâng cao vai trò Thành phố là trung tâm kết nối tri thức, ĐMST. Xây dựng mạng lưới kết nối startup - nhà khoa học - nhà đầu tư trong và ngoài nước.

đ) Thu hút mạng lưới kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà đầu tư

Ban hành chính sách ưu đãi thu hút tập đoàn, trung tâm R&D, quỹ đầu tư quốc tế. Phát triển không gian ĐMST; tăng liên kết khu công nghệ cao, khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, đô thị sáng tạo. Hỗ trợ startup tiếp cận vốn, chuyên gia, thị trường quốc tế.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Tăng cường tham gia mạng lưới, diễn đàn quốc tế về KHCN, ĐMST, CĐS. Học tập kinh nghiệm quốc tế; hoàn thiện chính sách, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Triển khai sáng kiến hợp tác đa phương, dự án thí điểm với đối tác quốc tế.

g) Thu hút nguồn hợp tác quốc tế.

- Xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục, môi trường, đãi ngộ và hạ tầng nghiên cứu.

- Phát triển mạng lưới chuyên gia kiều bào, trí thức Việt Nam ở nước ngoài tham gia các chương trình khoa học - công nghệ trong nước.

h) Tăng cường hợp tác với tổ chức phi chính phủ và các định chế phát triển

- Ký kết và triển khai các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phát triển quốc tế trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển bền vững. Huy động nguồn lực tài chính, tri thức, kinh nghiệm cho các dự án thí điểm.

- Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) trong nghiên cứu, ĐMST và chuyển giao công nghệ.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; đánh giá định kỳ; kịp thời điều chỉnh cơ chế, chính sách và nhiệm vụ. Công khai, minh bạch thông tin, quy trình và sử dụng nguồn lực; tăng quyền tự chủ cho tổ chức KHCN, ĐMST, CĐS.

- Đẩy mạnh tuyên truyền kết quả triển khai, góp phần nâng cao nhận thức và đời sống người dân.

IV.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã, đặc khu

- Chủ động phối hợp triển khai hiệu quả Kế hoạch. Ưu tiên bố trí ngân sách thực hiện nhiệm vụ, giải pháp.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc; thực hiện báo cáo định kỳ/đột xuất. Tổ chức sơ kết, tổng kết; khen thưởng, đề xuất điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực, điều phối chung KHCN, ĐMST, CĐS của Thành phố.

- Chủ trì xây dựng, triển khai các chiến lược, chương trình KHCN, ĐMST, CĐS giai đoạn 2026 - 2030.

- Tổ chức triển khai, giám sát Kiến trúc số, dữ liệu, đô thị thông minh; đánh giá, xếp hạng kết nối, chia sẻ dữ liệu; tham mưu triển khai Digital Twin.

- Chủ trì thí điểm, đánh giá, nhân rộng các mô hình, công nghệ mới phục vụ CĐS, đô thị thông minh.

- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực số, an toàn thông tin cho đội ngũ.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo; tham mưu điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

- Đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc.

3. Công an Thành phố

- Chủ trì triển khai Đề án 06.

- Tham mưu xây dựng Trung tâm an ninh mạng Thành phố.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Chủ trì xây dựng chiến lược dữ liệu, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư.

- Phối hợp triển khai chuyển đổi số theo phân công của Trung ương và Thành phố.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì triển khai tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW qua hoạt động văn hóa, thể thao và truyền thông đại chúng.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

- Phối hợp các đơn vị đẩy mạnh truyền thông về KHCN, ĐMST, CĐS. Lồng ghép nội dung KHCN, ĐMST, CĐS trong các chương trình, sự kiện văn hóa - nghệ thuật - thể thao. Tăng cường truyền thông trên báo chí, hệ thống thông tin cơ sở. Tổ chức, lan tỏa các chiến dịch truyền thông cộng đồng về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.

6. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố

- Quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung, và Hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); kết nối, đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12) và các đơn vị.

- Triển khai Digital Twin; vận hành App Công dân số và Nền tảng Quản lý Chính quyền số Thành phố (kết nối đến tận khu phố, ấp). Đầu tư, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu Thành phố (DC), Trung tâm dữ liệu dự phòng (DR), mạng chuyên dùng, hệ thống bảo mật (IDS/IPS).

- Chủ trì xây dựng Sàn giao dịch dữ liệu; phối hợp phát triển dữ liệu số. Ứng dụng công nghệ số giải quyết các vấn đề trọng tâm (giao thông, môi trường, ngập, an ninh).

- Triển khai nền tảng học trực tuyến phục vụ "Bình dân học vụ số".

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh

- Tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Phát động phong trào ĐMST, khởi nghiệp; tăng cường giám sát, phản biện xã hội.

- Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thể trong hỗ trợ, phổ cập kỹ năng số.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố, Cổng thông tin điện tử Thành phố và các cơ quan báo chí trên địa bàn Thành phố

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, nội dung Kế hoạch. Phối hợp xây dựng sản phẩm truyền thông đa dạng (tin, bài, video, infographic…). Kịp thời lan tỏa sáng kiến, mô hình hiệu quả về KHCN, ĐMST, CĐS.

9. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn Thành phố

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị triển khai KHCN, ĐMST, CĐS.

- Tham gia tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

10. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Ủy ban nhân dân phường - xã, đặc khu, các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, năm hoặc đột

xuất báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Ban Chỉ đạo (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ - cơ quan thường trực) tổng hợp báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Chỉ đạo Thành phố, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số Sở, ban, ngành, địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị trọng điểm; đánh giá, rút kinh nghiệm và có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần.

- Trong quá trình triển khai nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội: Sở, ban, ngành, địa phương cấp xã và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, rà soát các tiêu chí tại Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội hoặc nghiên cứu đề xuất tiêu chí, phương pháp đánh giá để tổ chức đo lường, thu thập, tổng hợp thông tin dữ liệu phục vụ tính toán các tiêu chí liên quan; gửi kết quả về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ - cơ quan thường trực để tổng hợp) trước ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ KHCN, Bộ CA;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đảng ủy UBND TP;
- Văn phòng ĐĐBQH&HĐND Thành phố;
- BCĐ KH, CN, ĐMST, CĐS & ĐA06;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND phường – xã, đặc khu;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, VX-P.Loan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường